

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/DS-ST

Ngày: 28/12/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng
dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tất Ái**.
2. Bà **Phạm Thị Ngọc Vân**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2023/QĐST – DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Minh Hoàng H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ N, Khu phố B, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào tháng 09/2022, bà H có đến Văn phòng luật sư Nguyễn Minh H để tư vấn pháp luật. Sau khi tư vấn, bà H có đưa cho chị Nguyễn Minh Hoàng H số tiền 15.000.000 đồng để ký hợp đồng dịch vụ, thời hạn hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi vụ kiện được giải quyết xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng thì chị H cũng chưa từng soạn văn bản hay đơn nào cho bà. Tòa án chưa mời thì nguyên đơn rút đơn kiện. Chị H hứa sẽ gọi lại cho bà ½ tiền phí dịch vụ là 7.500.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu chị H trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng nhưng chị H không thực hiện.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu chị Nguyễn Minh Hoàng H phải có trách nhiệm trả lại bà H số tiền 7.500.000 đồng. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng dịch vụ”. Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H cư trú tại Tổ N, Khu phố B, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Minh Hoàng H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 7.500.000 đồng, thời gian ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, bà Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Hợp đồng dịch vụ lập ngày 19/09/2022 giữa Bên A là bà Nguyễn Thị H và Bên B là chị Nguyễn Minh Hoàng H; 01 Bản gốc Phiếu thu ngày 20/09/2022 và bà H khẳng định Hợp đồng dịch vụ lập ngày 19/09/2022 và Phiếu thu ngày 20/09/2022 số tiền 10.000.000 đồng là của chị Nguyễn Minh Hoàng H viết và ký tên.

Nhận thấy tại hợp đồng dịch vụ lập ngày 19/09/2022 giữa Bên A là bà Nguyễn Thị H và Bên B là chị Nguyễn Minh Hoàng H thể hiện nội dung Bên B làm đại diện theo ủy quyền vụ tranh chấp Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất với nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, Bên B tư vấn cho Bên A trong vụ án nêu trên. Khi ký hợp đồng này Bên A đã đóng 5.000.000 đồng.

Tại Phiếu thu ngày 20/09/2022 thể hiện nội dung chị Nguyễn Minh Hoàng H có nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng là chi phí đại diện ủy quyền vụ tranh chấp Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất với nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H khẳng định sau khi tư vấn, bà H có đưa cho chị Nguyễn Minh Hoàng H số tiền 15.000.000 đồng để ký hợp đồng dịch vụ, thời hạn hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi vụ kiện được giải quyết xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Nhưng sau khi ký hợp đồng thì chị H cũng chưa từng soạn văn bản hay đơn nào cho bà H. Tòa án chưa mời thì nguyên đơn rút đơn kiện. Chị H hứa sẽ gởi lại cho bà ½ tiền phí dịch vụ là 7.500.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu chị H trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng nhưng chị H không thực hiện.

Đồng thời, đối với bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo đúng thủ tục hợp lệ. Nhưng bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không nộp bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, chị Nguyễn Minh Hoàng H là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu chị Nguyễn Minh Hoàng H trả cho bà H số tiền 7.500.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 7.500.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 513, Điều 514, Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Minh Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 375.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0024422 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M.
- Chi cục THADS. TP M
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo